

DẠY ĐỌC HIỂU VĂN HỌC ĐỊA PHƯƠNG Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG THEO ĐẶC TRƯNG LOẠI THỂ

○ TS. LÊ THỊ PHƯỢNG*

Nội dung Văn học địa phương (VHDP) được đưa vào chương trình - sách giáo khoa (SGK) Ngữ văn trung học cơ sở (THCS) từ năm 2002 nhằm giáo dục cho HS hiểu biết về địa phương nơi mình sinh sống, bồi dưỡng tình yêu làng xóm, quê hương. Song, khó khăn lớn nhất đối với giáo viên (GV) và HS hiện nay khi dạy và học nội dung này chính là về phương pháp dạy học (PPDH). Làm thế nào để giúp các em thấy được «cái riêng» trong «cái chung» ở mỗi tác phẩm VHDP, từ đó bổ sung làm phong phú và làm sáng tỏ cho chương trình chính khóa? Theo chúng tôi, *dạy đọc hiểu văn theo đặc trưng loại thể* (LT) là PPDH hiệu quả phù hợp với bản chất cốt lõi của văn bản nhìn từ góc độ phương thức biểu đạt, phù hợp quan điểm xây dựng chương trình, SGK Ngữ văn hiện hành.

1. *Thể loại* (TL) là «hình thức sáng tác văn học, nghệ thuật, phân chia theo phương thức phản ánh hiện thực, vận dụng ngôn ngữ,... Văn học có nhiều TL: tự sự, trữ tình, kịch» (1); còn LT - «bao gồm «loại» hay (loại hình) và «thể» (hay thể tài). Trong từng loại có các thể nhỏ. Loại tự sự có tự sự dân gian, tự sự trung đại và tự sự hiện đại. Tự sự dân gian lại có các thể ngụ ngôn, cổ tích, thần thoại, truyền thuyết... Loại trữ tình có trữ tình dân gian, trữ tình trung đại và hiện đại bao gồm thể ca dao, tục ngữ, thơ cổ thể truyền thống, thơ tự do...» (2).

Mỗi thể trong loại đều mang đặc trưng, thi pháp khác nhau. Vì vậy, hiểu biết lí luận về từng TL cũng như mỗi thể trong từng loại sẽ giúp GV và HS có hướng tiếp cận tác phẩm phù hợp hơn.

2. Các TL văn học trong chương trình và tài liệu dạy học VHDP Thanh Hóa

Một trong những đổi mới cơ bản của chương trình, SGK Ngữ văn THCS hiện hành là dựa vào TL tác phẩm để tổ chức dạy học (chứ không theo lịch sử văn học). Vì vậy, các văn bản (VB) được

lựa chọn phải vừa tiêu biểu cho các TL ở các thời kì lịch sử văn học vừa đáp ứng tốt cho việc dạy các kiểu VB trong phân môn *Tập làm văn*. Là một bộ phận của nội dung dạy học phân môn Văn học, VHDP Thanh Hóa cũng được biên soạn theo hướng này.

Nhằm trang bị cho HS kĩ năng *đọc hiểu TL* văn bản nên chương trình VHDP Thanh Hóa ở cả bốn khối/lớp 6,7,8,9, bên cạnh loại bài khái quát văn học (văn học sử) còn tập trung chủ yếu vào hai TL chính là *tự sự* (gồm tự sự dân gian, tự sự hiện đại và trữ tình) và *trữ tình* (gồm trữ tình dân gian (ca dao), trữ tình trung đại và trữ tình hiện đại).

1) *Dạy đọc hiểu thơ trữ tình Thanh Hóa theo đặc trưng LT*. Chú trọng đối tượng phản ánh mà coi nhẹ thái độ phản ánh của chủ thể trữ tình tác giả đang là một thói quen phổ biến trong dạy học TL thơ trữ tình ở nhà trường hiện nay. Chẳng hạn, học «chùm thơ thu» của Nguyễn Khuyến, phần «*Hướng dẫn học bài*» trong Ngữ văn 11 (3) không có một câu hỏi nào hướng dẫn HS tìm hiểu tâm trạng u hoài, thao thức của nhà thơ trước thời cuộc, trước cảnh nước mất nhà tan. Đối với VB «*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*» của Phạm Tiến Duật cũng vậy, phần «*Câu hỏi hướng dẫn đọc hiểu văn bản*» trong Ngữ văn 9 (4) chỉ tập trung vào việc phân tích hình ảnh người lính lái xe Trường Sơn trong những năm đánh Mĩ. Hay trong «*Một số bài ca dao về đất và người xứ Thanh*» (5), cả 4 câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu bài cũng chỉ yêu cầu HS tìm hiểu chủ đề, đề tài của 11 bài ca dao.

Đi vào thế giới của chủ thể trữ tình mới chính là đi vào bản chất cốt lõi của thơ - bởi «*trong thơ, một là tình, hai là cảnh, ba là sự*» (Lê Quý Đôn) và «*phải chú trọng quy cách, nhưng làm*

* Trường Đại học Hồng Đức

thơ, gốc phải là ở tình cảm” (Cao Bá Quát). Như vậy, «vấn đề quan trọng quyết định chất thơ của mỗi tác phẩm vẫn là tiêu chí xúc cảm, tiêu chí nội dung trữ tình của tác giả» (6).

Vận dụng những kiến thức lí luận trên vào dạy học các bài thơ trữ tình Thanh Hóa trong nhà trường sẽ có 2 hướng khai thác, đó là: 1) Tìm hiểu nội dung bài thơ qua mạch cảm xúc của chủ thể trữ tình (tìm hiểu theo lối cắt ngang lần lượt theo khổ - đoạn); 2) Tổ chức đọc hiểu theo lối bổ dọc tức theo trục ý tứ (ví dụ, nếu đọc hiểu bài thơ «Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa» của Nguyễn Duy theo lối «cắt ngang» thì nội dung chính là tâm trạng xúc động, buồn, thương, tiếc, nhớ người mẹ quá cố lam lũ, tảo tần, đôn hậu của nhà thơ; còn nếu khai thác theo lối «bổ dọc» thì nội dung chính được thể hiện trên hai «trục» vấn đề: tâm trạng buồn đau, tiếc thương, da diết nhớ mẹ của nhà thơ và hình ảnh người mẹ quá cố với những phẩm chất làm xúc động lòng người,...).

Riêng đối với văn bản trữ tình ca dao, cần chú ý thêm về mặt thi pháp vì bên cạnh những đặc điểm giống thơ của các tác giả thuộc dòng văn học viết, ca dao có những đặc điểm riêng biệt. Ngôn ngữ ca dao là sự kết hợp giữa ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ đời thường: «Trời cho cày cấy đầy đồng/Xứ nào xứ nấy trong lòng vui ghê/Một mai gặt lúa đem về/Thờ cha kính mẹ nhiều bề hiếu trung» (7) hay «Anh ơi có chí canh nông/Chín phần ta cũng được trong tám phần/Can chi để ruộng mà ngâm/Làm ruộng lấy lúa nuôi tầm lấy tằm/Tằm có lúa, ruộng có mùa/Chăm làm trời cũng đến bù có khi» (8). Lại có xu hướng Việt cổ khi sử dụng các tên riêng chỉ địa điểm hơn là cách «nói nôm» phản ánh nền văn hóa lâu đời của vùng đất Thanh Hóa giàu truyền thống đã ngấm sâu vào cách nói, cách tư duy của người dân. Chẳng hạn như «Kẻ Trọng» là làng Trì Trọng thuộc xã Hoàng Quỳ huyện Hoàng Hóa; «Kẻ Cát» là làng Phú Mao và làng Cát Mao thuộc xã Hoàng Cát huyện Hoàng Hóa; «Kẻ Mau» là làng Mau An thuộc xã Hoàng Cát huyện Hoàng Hóa: «Đồn rằng Kẻ Trọng lắm cau/Kẻ Cát lắm mía, Kẻ Mau lắm tiền»; hoặc cũng có nhiều dị bản nhờ sự chuyển đổi địa danh (Kẻ Cát/Nam Định/An Phú): «Hỡi cô thắt lưng bao xanh/Có vẻ Kẻ Cát với anh thì về/Kẻ Cát có ruộng tứ bề/Có ao tắm mát có nghề kẹo nhơ» (9).

Lời thơ 2 dòng, 4 dòng, 6 dòng ngắn gọn, không chịu «khuôn» vào những luật lệ có sẵn, do đó ca dao nói chung, ca dao Thanh Hóa nói riêng hồn nhiên, mộc mạc phản ánh tâm tư tình cảm, lời ăn tiếng nói của lớp người bình dân: «Nửa đêm thức giấc trông trời/Ngôi sao Bắc Đẩu đã dời sang đông/Bước vào phòng học gọi chồng/Trở ra cất gánh làm đồng kéo trâu» (10). Kiểu kết cấu một vế đơn giản, từ nói vật, nói cây đến nói người nhưng đều hướng vào chủ đề ca ngợi nguồn cội, công sinh thành và đạo lí sống có hiểu nghĩa: «Trúng rỗng lại nở ra rỗng/Hạt xoan lại nở cây xoan rườm rà/Có cha mới sinh ra ta/Làm nên thì bởi mẹ cha vun trồng/Khôn ngoan nhờ ám cha ông/Làm con phải đoái tổ tông phụng thờ/Đạo làm con chó hững hờ/Phải đem hiếu kính mà thờ từ nghiêm» (11). Như vậy, điểm giống nhau của 11 bài ca dao Thanh Hóa với ca dao Việt Nam trong SGK Ngữ văn 7 là đều sử dụng thể lục bát, sử dụng kết hợp từ Hán Việt với ngôn ngữ đời thường, kiểu kết cấu một vế đơn giản; sử dụng địa danh theo chức năng định danh để ca ngợi vẻ đẹp trù phú, thái bình của một huyện miền biển Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa: «Miền Thanh Hóa huyện Nga ta/Cỏ cây thang mộc quốc gia thái bình» (12) và khác nhau ở chỗ: không có bài nào sử dụng kiểu kết cấu hai vế tương hợp (không có đối đáp); không nói về tình yêu đôi lứa (mảng để tài hấp dẫn của ca dao Việt Nam) mà sử dụng nhiều yếu tố mang bản sắc địa phương (như địa danh, lời ăn tiếng nói, tính cách tâm hồn...) thể hiện niềm tự hào về một vùng đất thiêng, giàu truyền thống với những con người hồn nhiên, bộc trực, cần cù chịu khó, trọng đạo nghĩa: «Ba vương sánh với bảy trùn/Đời cha nhân đức đời con sang giàu/Trời nào có phụ ai đâu/Hay làm thì giàu có chí thì nên» (13).

2) Dạy đọc hiểu truyện Thanh Hóa theo đặc trưng LT. Truyện là một TL tác phẩm văn học tiêu biểu cho loại hình tự sự, cũng là sản phẩm của hu cấu sáng tạo của nhà văn. Khác với chuyện (sự việc được kể lại, có thể xảy ra trong đời sống, ở bất kì nơi đâu...); là «chất liệu» làm nên cốt truyện, một trong nhiều yếu tố cấu thành tác phẩm truyện), truyện là một thuật ngữ gọi tên một TL, được bộc lộ qua các yếu tố quan trọng như sự kiện (chi tiết, tình tiết, cốt truyện), nhân vật, trần

thuật và điểm nhìn trần thuật, không gian, thời gian và nhịp điệu trần thuật. Vì vậy, khi dạy truyện cần chú ý khai thác các yếu tố này. Tuy nhiên, bên cạnh những đặc điểm chung của truyện, GV và HS cần nhận diện và định vị cho từng loại trong TL tự sự để có cách thức đọc hiểu tác phẩm phù hợp. Cụ thể:

1) Ở truyện cổ tích. Truyện cổ tích thể hiện ước mơ của người dân lao động về một cuộc sống công bằng, tốt đẹp. Vì vậy, thường có những «nhân vật chức năng», không có đời sống nội tâm mà chỉ nhằm thực hiện một số chức năng trong truyện và trong việc phản ánh đời sống.

2) Ở truyện cổ tích thần kì: nhân vật có hai loại: con người và lực lượng siêu nhiên. Con người được chia làm hai tuyến: thiện - ác; tốt - xấu. Sự phát triển của cốt truyện trong cổ tích chính là sự phát triển của xung đột giữa hai tuyến đó để cuối cùng cái tốt, cái thiện sẽ chiến thắng và cái ác, cái xấu bị trừng trị. Vì vậy, cần bám vào 3 yếu tố: nhân vật chức năng, yếu tố hoang đường, kì ảo và ý nghĩa của truyện để cắt nghĩa lí giải cái lí tồn tại của nội dung và nghệ thuật trong truyện.

Ví dụ, truyện cổ tích Phương Hoa thuộc TL cổ tích thần kì, có lực lượng siêu nhiên là «thần nhân báo mộng cho vua» cứu Cảnh Yên hiền tài, trừng trị quan võ Tào Trung Úy và kẻ gian ác Hồ Nghi. Truyện Phương Hoa giống một số truyện cổ tích thần kì Việt Nam (Tấm Cám, Sọ Dừa, Thạch Sanh, Chú Đổng Tử...) ở nhiều yếu tố thi pháp TL, chỉ khác là nhân vật tài giỏi trong truyện cổ tích này lại là một phụ nữ mang tính cách đặc trưng của con người Thanh Hóa. Người và việc trong truyện đều gắn với những tên đất tên làng cụ thể của tỉnh Thanh Hóa. Sử dụng mô típ kiểu nhân vật tài giỏi (truyện Phương Hoa) không chỉ thực hiện được ước mơ của nhân dân lao động về một xã hội công bằng mà còn làm người đọc xúc động, tự hào về truyền thống đất và người quê Thanh tài giỏi, thông minh, chính trực, không chịu khuất phục trước cường quyền.

3) Ở truyện hiện đại Thanh Hóa (có 4 tác phẩm dạy ở lớp 8 và lớp 9), chủ yếu có hai hướng tiếp cận: theo hệ thống nhân vật hoặc theo cốt truyện. Nhân vật trong truyện hiện đại không tồn tại kiểu nhân vật chức năng nữa mà là 'nhân vật tính cách' và «nhân vật tư tưởng». Nhân vật Thái Văn Trưng

và thầy giáo già (truyện Nhà hàng hải), người cha (truyện Người tình của cha), người phụ nữ Mường (truyện ngắn Quả còn), giáo sư Lâm và Trung (truyện Quá khứ) đều thuộc loại nhân vật tính cách.

Giống như dạy đọc hiểu tác phẩm văn học trong chương trình chính khóa, dạy đọc hiểu tác phẩm VHDP cần xuất phát từ đặc trưng TL. Tuy nhiên, để HS hiểu biết về địa phương mình đang sống, bồi dưỡng tình yêu quê hương cho các em, cần chú ý kết hợp nhiều hình thức như: khai thác các yếu tố mang bản sắc địa phương trong mỗi tác phẩm, sử dụng «kênh hình» minh họa, tổ chức các buổi học ngoại khóa, giao lưu với nhà văn địa phương về các tác phẩm VHDP trong nhà trường,...

(1) Hoàng Phê. Từ điển Tiếng Việt. NXB Đà Nẵng, 2006.

(2) Nguyễn Việt Chữ. Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương trong nhà trường. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2009.

(3) Văn học 11 (tập 1). NXB Giáo dục, H. 2005.

(4) Nguyễn Khắc Phi (chủ biên). Ngữ văn 9 (tập 1). NXB Giáo dục, H. 2005.

(5)(7), (8), (9), (10), (11), (12), (13). Sở GD-ĐT Thanh Hóa. Tài liệu dạy học kiến thức địa phương Ngữ văn và Lịch sử lớp 6, 7, 8, 9. NXB Thanh Hóa, 2006-2007.

(6) Nguyễn Thị Dư Khánh. Thi pháp học và vấn đề giảng dạy văn học trong nhà trường. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2009.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. Hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông từ năm học 2008-2009.

2. Nguyễn Xuân Kính. Thi pháp ca dao. NXB Khoa học xã hội, H. 2006.

SUMMARY

Local knowledge is one of the cultural background cultivate love for country students. How to help students see the individual in the general literature in each area? Since then additional enrich and clarify the formal curricula. Teaching reading local literature is like teaching read literary works in the formal curriculum must come from specific categories. This method is effective in accordance with the core essence of the text wisest method of expression, consistent point of building programs, textbooks, current language.